

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>E-ĐKC 1.1</b>	<p>Chủ đầu tư:</p> <p>CÔNG TY THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN</p> <p>Địa chỉ: 143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng</p> <p>Mã số thuế: 1800590430-007</p> <p>Số tài khoản: 1106 0017 4368 Mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đà Nẵng</p> <p>Điện thoại: 0963357926</p> <p>Email: trungnt@songbunghpc.vn</p>
<b>E-ĐKC 1.3</b>	<p>Nhà thầu:___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p>
<b>E-ĐKC 1.11</b>	<p>Địa điểm dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Văn phòng Công ty Thủy điện Sông Bung. Địa chỉ: 143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng</li><li>- Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2 tại Địa chỉ Xã Nam Giang, TP Đà Nẵng</li><li>- Nhà máy Thủy điện Sông Bung 4 tại Địa chỉ Xã Bến Giằng, TP Đà Nẵng</li></ul>
<b>E-ĐKC 2.2</b> <b>(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: như điều 2 của hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Người nhận: Công ty Thủy điện Sông Bung - Chi nhánh Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần.</li><li>- Địa chỉ: Số 143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng</li><li>- Điện thoại: 02362488800</li></ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng</li><li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện</li></ul>

hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;

+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải tự thực hiện gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B

	phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng đến khi nhà thầu hoàn thành khắc phục các tồn tại +28 ngày
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành
<b>E-ĐKC 6.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: __ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSMT].
<b>E-ĐKC 7.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày</p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì hai bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định có giá trị thi hành đối với cả hai bên. Các chi phí có liên quan do các bên chi trả theo nội dung Bản án, các Quyết định của Tòa án và Cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trong thời gian chờ đợi phân xử của toà án, nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện các công việc khác theo hợp đồng, không vì lý do tranh chấp mà tạm ngừng trách nhiệm thực hiện các công việc khác theo hợp đồng. Nếu không thực hiện quy định trên thì nhà thầu phải bồi thường cho chủ đầu tư.</p>
<b>E-ĐKC 9</b>	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây:</p> <p>Chứng từ giao nhận hàng hóa theo yêu cầu quy định tại khoản 2.1 Mục 1 Chương V của E-HSMT</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá hợp đồng: Cố định
<b>E-ĐKC 12.3</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc</p>

	<p>giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</p>
<p><b>E-ĐKC 13.1</b></p>	<p>Tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu số tiền 20% giá trị hợp đồng khi nhà thầu đệ trình đủ các hồ sơ chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy đề nghị tạm ứng của Nhà thầu.</li> <li>+ Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tương ứng giá trị tạm ứng nêu trên và có nội dung đáp ứng các yêu cầu dưới đây.</li> <li>+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức thanh toán tạm ứng: chuyển khoản</li> <li>- Thời gian thanh toán tạm ứng: trong vòng <b>20 ngày</b> kể từ khi nhà thầu đệ trình đủ các hồ sơ chứng từ và được Tổng công ty phát điện 2 cấp vốn</li> </ul> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải tự gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</li> <li>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung</li> </ul>

	<p>khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- Thu hồi tiền tạm ứng: Việc thu hồi tạm ứng sẽ được thực hiện theo từng đợt thanh toán với tỷ lệ 25% giá trị nghiệm thu và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi giá trị nghiệm thu đạt 80% giá trị hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 14.2</b></p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p>b) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ các hồ sơ thanh/quyết toán nêu dưới đây và được Tổng công ty Phát điện 2 cấp vốn.</p> <p>c) Số lần thanh toán: Thanh toán theo đợt trên cơ sở khối lượng nghiệm thu hoàn thành/Quyết toán</p> <p>+ Đối với thanh toán theo đợt: Mỗi đợt sẽ thanh toán đến 90% giá trị khối lượng công việc hoàn thành, có trừ đi giá trị thu hồi tạm ứng theo quy định, giữ lại 5% giá trị của khối lượng nghiệm thu chờ quyết toán A-B, 5% giá trị của khối lượng nghiệm thu chờ bảo hành.</p> <p>+ Đối với Quyết toán A-B: chủ đầu tư thanh toán 95% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu quyết toán có trừ đi giá trị thu hồi tạm ứng theo quy định, giá trị thanh toán, giữ lại 5% giá trị hợp đồng chờ hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành.</p> <p>d. Hồ sơ thanh/quyết toán:</p> <p>Hồ sơ thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu;</li> <li>- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành do đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu ký;</li> <li>- Phiếu thanh toán;</li> </ul> <p>Hồ sơ quyết toán A-B:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng thực hiện A-B (06 bộ);</li> <li>- Phiếu quyết toán A-B (06 bộ)</li> <li>- Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu;</li> </ul>

	<p>- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ</p> <p>e) Thanh toán khoản tiền giữ lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh toán 5% giá trị nghiệm thu chờ quyết toán A-B: chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu sau khi hồ sơ quyết toán A-B do nhà thầu lập được chủ đầu tư chấp thuận/nghiệm thu.</li> <li>- Thanh toán 5% giá trị giữ lại bảo hành (5% giá trị hợp đồng): Chủ đầu tư sẽ thanh toán khoản tiền bị giữ lại này cho Nhà thầu sau khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ bảo hành công trình, hai bên ký biên bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành &amp; ký biên bản thanh lý hợp đồng. Hoặc Nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành của ngân hàng, bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện (nội dung bảo lãnh phải được chủ đầu tư chấp thuận) do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng và có thời hạn đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa trong thời gian bảo hành bên B phải tự gia hạn hiệu lực của bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</li> </ul> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành (BLBH) hết hiệu lực mà bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải tự gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của BLBH cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho bên A trước thời điểm hết hiệu lực của BLBH tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày BLBH hết hiệu lực mà Bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu BLBH.</p>
<b>E-ĐKC 15.2</b>	<p>Quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm cung cấp.</li> <li>- Nhà thầu cam kết về miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho Chủ đầu tư trong trường</li> </ul>

	hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do Nhà thầu cung cấp.
<b>E-ĐKC 18.2</b>	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: hàng hóa theo Hợp đồng phải được đóng gói đúng cách theo Tiêu chuẩn đóng gói hàng hóa phù hợp với loại hình vận chuyển
<b>E-ĐKC 19</b>	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu tự chịu trách nhiệm đảm bảo việc bảo hiểm cho hàng hóa của nhà thầu
<b>E-ĐKC 20.1</b>	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng
<b>E-ĐKC 20.2</b>	Các dịch vụ bao gồm: Theo phạm vi yêu cầu của các dịch vụ kỹ thuật nêu tại Mẫu 01D Chương IV và Chương V của E-HSMT
<b>E-ĐKC 21.1</b>	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>1. Kiểm tra xuất xứ hàng hóa:(i) Khi dự thầu nhà thầu phải kê khai rõ ràng về nguồn gốc xuất xứ, chất lượng sản phẩm chào thầu theo các yêu cầu của E-HSMT;(ii) Trong giai đoạn thực hiện Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ có thể kiểm tra, đánh giá các thông tin cập nhật liên quan đến nhà sản xuất và sản phẩm cung cấp theo Hợp đồng.</p> <p>2. Kiểm tra hàng hóa tại công trường</p> <p>a) Khi hàng hóa được chuyên chở đến công trường, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành mở kiện hàng để kiểm tra với nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng hoá còn nguyên đai, nguyên kiện.</li> <li>- Số lượng và chủng loại hàng hóa đúng theo Danh mục hàng hóa kèm theo.</li> <li>- Kiểm tra chất lượng: hàng hóa mới, xuất xứ có phù hợp với hợp đồng, là hàng hóa hợp pháp, có thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hợp đồng. Nếu chủ đầu tư nghi ngờ về hàng hóa, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ, chứng minh, cung cấp tài liệu chứng minh theo yêu cầu để chứng minh hàng hóa cung cấp cho chủ đầu tư là hàng hóa mới, đúng xuất xứ và tính hợp pháp.</li> </ul>

	<p>- Kiểm tra các kích thước cơ bản của hàng hoá (nếu cần).</p> <p>b) Trong trường hợp có sự khác biệt về số lượng, chất lượng của hàng hóa so với qui định của hợp đồng hoặc có nghi ngờ về chất lượng mà Chủ đầu tư và Nhà thầu không thống nhất bằng biên bản, Chủ đầu tư có quyền từ chối nghiệm thu hàng hóa đó.</p> <p>c) Trong trường hợp hàng hóa nhận được không tuân thủ hoặc có sai khác so với những qui định của hợp đồng, bằng chi phí của mình sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp lại phần hàng hóa bị lỗi trong vòng một (01) tuần hoặc dài hơn khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp Nhà thầu không cung cấp lại hàng hóa đúng theo thời gian qui định thì Chủ đầu tư có quyền tìm hàng hóa đáp ứng theo yêu cầu từ nhà cung cấp khác. Phần chi phí bổ sung sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ vào giá hợp đồng, nếu giá trị hợp đồng không bù đủ thì nhà thầu phải thanh toán phần giá trị còn thiếu cho chủ đầu tư.</p> <p>3. Sau khi lắp đặt hoàn thành hàng hóa sẽ được thử nghiệm chạy thử, nếu kết quả thử nghiệm không đạt được tính năng nêu trong những qui định về kỹ thuật. Nhà thầu bằng chi phí của mình thực hiện các biện pháp để sửa chữa khiếm khuyết. Chủ đầu tư có quyền chọn phương án giảm Giá Hợp đồng, đối với những khiếm khuyết về tính năng tồn tại vào thời điểm nghiệm thu thiết bị</p>
<p><b>E-ĐKC 21.2</b></p>	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại:</p> <p>Văn phòng Công ty Thủy điện Sông Bung. Địa chỉ: 143 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng</p> <p>Nhà máy Thủy điện Sông Bung 2 tại Địa chỉ Xã Nam Giang, TP Đà Nẵng</p> <p>Nhà máy Thủy điện Sông Bung 4 tại Địa chỉ Xã Bên Giăng, TP Đà Nẵng</p>
<p><b>E-ĐKC 22</b></p>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 0,2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm/ngày đến</p>

	<p>khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>Ngoài mức phạt vi phạm hợp đồng như trên, nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư đối với những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng của nhà thầu gây ra cho chủ đầu tư. Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà chủ đầu tư phải chịu do nhà thầu gây ra và khoản lợi trực tiếp mà chủ đầu tư đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm</p>
<b>E-ĐKC 23.3</b>	Thời hạn bảo hành là: 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng
<b>E-ĐKC 23.5</b> <b>E-ĐKC 23.6</b>	Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 7 ngày
<b>E-ĐKC 27.7 (d)</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.